

Bản án số: 351/2018/HS-PT
Ngày: 06-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Duy Thuấn
2. Ông Nguyễn Huòn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 327/2018/TLPT-HS, ngày 01/8/2018 đối với bị cáo Lê Thế T, về tội “Cố ý gây thương tích”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 201/2018/HS-ST ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Thế T**, sinh năm 1992 tại tỉnh Quảng Trị.

Nơi cư trú: Thôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C, sinh năm 1969 và bà Lê Thị G, sinh năm 1968; bị cáo có vợ là Dương Thị Thảo H, sinh năm 1997 và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Tại Bản án số 245/2011/HSPT, ngày 05/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt Lê Thế T 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 18/10/2012; tại Bản án số 327/2013/HSST, ngày 25/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt Lê Thế T 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 11/4/2014.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/01/2018, đến ngày 06/6/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giam và áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh, hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Trần Thị H1, sinh năm 1975; nơi cư trú: Đường N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 01/12/2017, bị cáo Lê Thế T đi ăn nhậu cùng với bạn, sau khi nhậu xong bị cáo cùng vợ là Dương Thị Thảo H và các bạn của mình là Trương Như T1, sinh năm 1993, trú tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và T2, B (chưa rõ nhân thân lai lịch) rủ nhau đến quán bi da trên đường Y, phường E, thành phố B chơi bi da và tiếp tục uống bia. Khoảng 45 phút sau thì nghỉ, do đã uống nhiều bia rượu nên T, H và T1 đến nhà nghỉ X tại địa chỉ đường N, phường E, thành phố B thuê phòng để nghỉ ngơi. Khi đến nơi, bà Trần Thị H1 là chủ nhà nghỉ yêu cầu T, H và T1 đưa giấy chứng minh nhân dân thì không có ai mang theo. Lúc này, H đi về nhà để lấy chứng minh nhân dân, còn T và T1 được bà H1 cho thuê phòng 101. Khoảng 30 phút sau, H quay lại nhà nghỉ và nói với bà H1 không tìm thấy chứng minh nhân dân, thì bà H1 không cho thuê phòng nữa, đồng thời yêu cầu trả tiền thuê phòng là 50.000 đồng, T không đồng ý và nói “Cháu mới vào sao cô lấy tiền đắt vậy?” thì bà H1 nói lại “Đã vào ở là phải trả tiền”, sau đó giữa T và bà H1 xảy ra mâu thuẫn cãi vã trong sân nhà nghỉ. Hai bên cãi nhau một lúc thì T bỏ chạy ra ngoài cổng, bà H1 liền đóng cổng lại với mục đích không cho H và T1 về để lấy tiền phòng. Thấy T muốn gây sự đánh nhau nên anh Hoàng Văn H2 (là con trai bà H1) cầm 01 cây tuýp sắt dài khoảng 01m chạy từ trong nhà ra để phòng thân. Do đang còn bức tức nên T cầm lấy viên gạch đất nung 04 lỗ, kích thước (17 x 08 x 08) cm ở trước cổng nhà nghỉ và cầm bằng tay phải, sau đó chạy lại cách nơi bà H1 và anh H2 đang đứng khoảng 03m và ném mạnh viên gạch về phía 2 người này làm viên gạch trúng sượt qua khung sắt cánh cửa cổng, rồi văng tiếp trúng mặt của bà H1, làm bà H1 bị té ngã ngửa ra sau bất tỉnh. Thấy vậy, anh H2 liền cầm cây tuýp sắt chạy ra đuổi đánh T nhưng không được, nên quay về lại. Do thấy mẹ bị thương tích nên anh H2 bức xúc liền dùng cây tuýp sắt đánh anh T1 02 cái vào vai nhưng không gây thương tích gì, còn bà H1 đã được người thân đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk cấp cứu và điều trị, sau đó đưa đi thành phố Hồ Chí Minh điều trị tiếp. Quá trình khám nghiệm hiện trường đã thu giữ 01 viên gạch bằng đất nung, loại 04 lỗ có kích thước (17 x 08 x 08) cm để xử lý, riêng 01 cây tuýp sắt anh Hoàng Văn H2 sử dụng để đánh anh Trương Như T1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tìm nhưng không giữ được.

Tại bản Kết luận pháp y thương tích số 33/PY-TgT, ngày 12/12/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Bà Trần Thị H1 bị vết thương đầu, mặt, vỡ lún sọ não, nứt trán xoang hàm phải và gãy xương chính mũi, tỷ lệ thương tích 36%, vật tác động cứng có cạnh. Đề nghị giám định bổ sung khi nạn nhân ổn định.

Tại bản Kết luận pháp y bổ sung số 514/PY-TgT, ngày 16/4/2018 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Bà Trần Thị H1 bị đa thương, vỡ lún sọ trán phải, vỡ xoang trán, xuất huyết nội sọ, sụp mi mắt phải hoàn toàn, gãy vách ngăn và xương chính mũi, mất khứu giác, tỷ lệ thương tích 63%, vật tác động cứng có cạnh.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 201/2018/HS-ST ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ các Điều 254, 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; căn cứ điểm d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); căn cứ điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thế T phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Xử phạt bị cáo Lê Thế T 07 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 17/01/2018 đến ngày 06/6/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/8/2018 bị cáo Lê Thế T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thế T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thế T về tội “Cố ý gây thương tích”, là đúng. Tuy nhiên, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành và mức hình phạt khởi điểm theo quy định tại khoản 4 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, là cao hơn so với khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999, nên phải xác định bị cáo phạm tội theo khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 và áp dụng các quy định có lợi theo quy định tại khoản 3 Điều 7, khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt mới đúng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo là không đúng và bất lợi cho bị cáo. Về nhân thân của bị cáo, đối với bản án số 327/2013/HSST, ngày 25/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/4/2014 và biên bản xác minh của Cơ quan điều tra thể hiện lý do cơ quan thi hành án chưa ra quyết định thi hành án phần án phí và do người được thi hành án chưa yêu cầu thi hành án, chứ không phải không phải do bị cáo chưa chấp hành phần án phí, nên không thể lấy căn cứ này để xác định bị cáo có tiền án và áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là không đúng và bất lợi cho bị cáo. Tuy nhiên, về mức hình phạt 07 năm tù mà bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo là đã tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, bản án sơ thẩm đã xem xét đầu đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng và tại cấp phúc thẩm bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có cơ sở để chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thế T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt; áp dụng: Khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Thế T 07 năm tù; các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì và chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Lê Thế T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào tối ngày 01/12/2017, tại nhà nghỉ X, địa chỉ đường N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do có mâu thuẫn cãi nhau về việc thanh toán tiền thuê phòng nghỉ với chủ nhà nghỉ là bà Trần Thị H1, bị cáo Lê Thế T đã lấy 01 viên gạch đất nung, loại 4 lỗ, có kích thước (17 x 08 x 08) cm ở trước cổng nhà nghỉ và dùng tay phải ném trúng mặt của bà Trần Thị H1, làm cho bà H1 bị té ngã ra sau và bất tỉnh, hậu quả bà H1 bị thương tích với tỷ lệ là 63%. Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thế T về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ pháp lý và đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm đã áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử đối với bị cáo là không đúng. Bởi lẽ: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 01/12/2017, tức là trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành và mức hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 là tù từ 07 năm đến 14 năm, nhưng mức hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 là tù từ 05 năm đến 15 năm. Như vậy, mức hình phạt khởi điểm theo quy định tại khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, là cao hơn so với quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999, đây là quy định không có lợi nên không được áp dụng đối với bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó phải xác định bị cáo đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 mới chính xác và áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo; đồng thời mức hình phạt tối đa quy định tại 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 là thấp hơn so với quy định tại khoản 3 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999, nên cần áp dụng các quy định có lợi cho bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7, khoản 4 Điều

134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Vì vậy, cấp phúc thẩm cần sửa về điều luật áp dụng cho đúng và cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Bản sơ thẩm xác định bị cáo là người có tiền án, để áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo là không phù hợp. Bởi lẽ: Đối với Bản án số 245/2011/HSPT, ngày 05/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đã xử phạt Lê Thế T 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thì bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 18/10/2012 và chấp hành xong các quyết định khác của bản án; đối với Bản án số 327/2013/HSST, ngày 25/11/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã xử phạt Lê Thế T 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thì bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 11/4/2014, nên tính đến ngày phạm tội mới thì đã quá 02 năm, nên đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 của Bộ luật hình sự năm 2015. Riêng về phần dân sự và phần án phí của bản án này, thì Cơ quan điều tra đã xác minh và tại biên bản xác minh, Chi cục thi hành án dân sự thành phố B đã cung cấp nội dung là do không nhận được bản án này, nên chưa ra quyết định thi hành án phần án phí và phần dân sự. Như vậy lý do việc bị cáo chưa thi hành phần án phí và phần dân sự là do Cơ quan thi hành án dân sự chưa ra quyết định thi hành án và do người được thi hành án không yêu cầu, chứ không phải không phải do bị cáo không thi hành, nên không thể lấy căn cứ này để xác định bị cáo có tiền án.

[3] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thế T, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe và gây thương tích nặng cho người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an chung của xã hội, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội đã thực hiện. Mức hình phạt 07 năm tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là thỏa đáng và tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Khi quyết định hình phạt, bản án sơ thẩm cũng đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng là: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại và được người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật. Do đó, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt là đúng đắn.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Thế T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng: Khoản 3 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 4 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thế T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 201/2018/HS-ST ngày 20/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thế T 07 (bảy) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/01/2018 đến ngày 06/6/2018.

[2] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thế T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đ;
- Văn phòng CQCSĐT CA tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đ;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. B;
- Những người TGT;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình